

Chứng quyền tăng giá gia tăng đáng kể

Trong tuần 24, thanh khoản trên thị trường tiếp tục ghi nhận tăng trưởng nhẹ. Cụ thể, khối lượng và giá trị giao dịch trong tuần ghi nhận ở mức 219.1 triệu chứng quyền/237.6 tỷ đồng, lần lượt tăng 6.0%/15.9% so với tuần liền trước.

Đối với giá trị giao dịch theo tài sản cơ sở, STB và VHM là những tài sản cơ sở có chứng quyền thu hút phần lớn hoạt động giao dịch với 29% tổng giá trị giao dịch. Xếp sau đó là các chứng quyền của các cổ phiếu như MWG, HPG, MBB, TCB và VIC.

Đối với các mã chứng quyền có thời gian đáo hạn trên 1 tháng, biến động tăng ghi nhận ở các mã CVRE2408 (+87.0%), CSTB2505 (+69.8%) và CSTB2507 (+50.5%). Ở hướng ngược lại, biến động giảm ghi nhận ở các mã CVRE2407 (-68.4%), CMBB2505 (-45.5%) và CVIC2506 (-35.0%).

Tuy số lượng chứng quyền giảm giá vẫn chiếm ưu thế, nhưng diễn biến trong tuần qua cho thấy tín hiệu khả quan khi số lượng chứng quyền tăng giá cải thiện đáng kể cùng với sự gia tăng nhẹ về thanh khoản trên thị trường. Dựa trên kết quả định giá bằng mô hình Black-Scholes, một số mã chứng quyền đang được định giá thấp (undervalued), nổi bật gồm: CVIC2505, CVHM2408 và CVIV2506. Ở hướng ngược lại, các mã như CVHM2511, CVRE2511 và CMBB2510 đang trong trạng thái bị định giá cao (overvalued), theo thống kê trên tổng số 205 mã chứng quyền được định giá.

Bảng 1. Thống kê thị trường

Chứng quyền	205
Khối lượng giao dịch (tr.CQ)	219
Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	238
CW tăng giá	83
CW giảm giá	94
CW tham chiếu	15

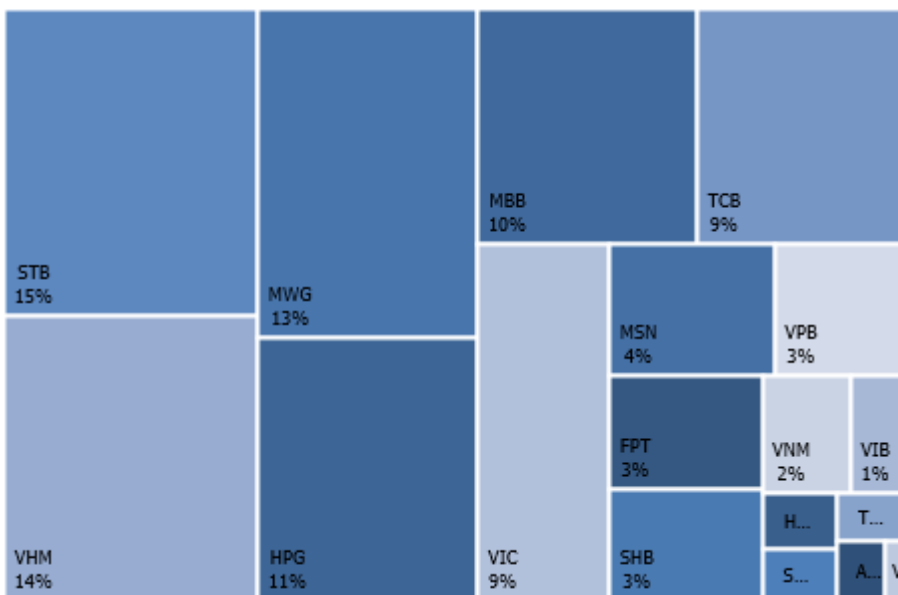
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 2. Định giá chứng quyền

Chứng quyền	205
Định giá thấp	17
Định giá cao	188

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 1. Giá trị giao dịch của CW theo TSCS



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. Top CW định giá thấp

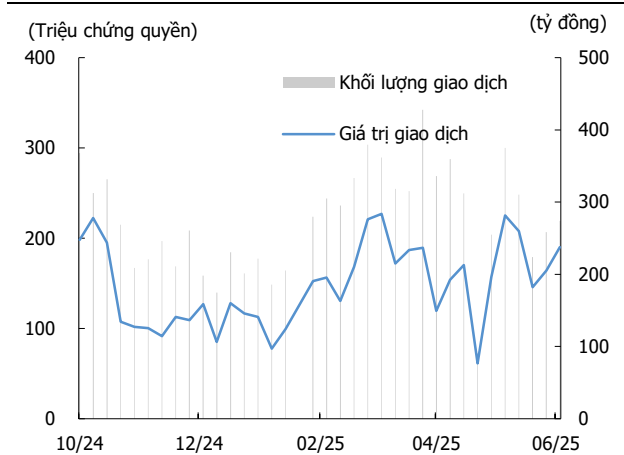
Mã	Giá thị trường	Giá nội tại	Chênh lệch
CVIC2505	5,650	6,079	(429)
CVHM2408	7,450	7,711	(261)
CVIC2506	5,450	5,685	(235)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Ghi chú: Tính đến cuối phiên thứ Sáu gần nhất

Phòng phân tích

Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Khối lượng và giá trị giao dịch CW

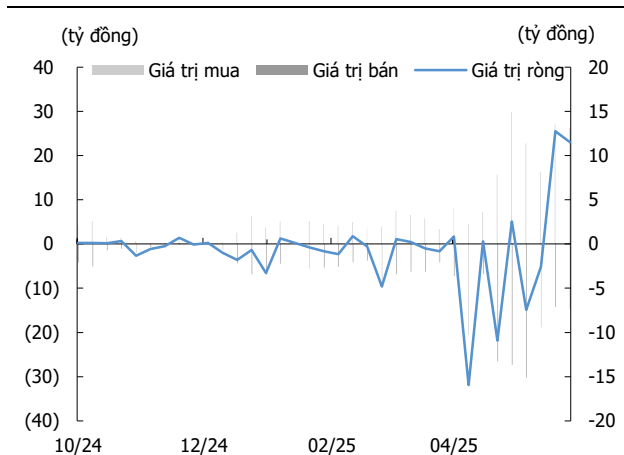
Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. Top 10 giá trị giao dịch

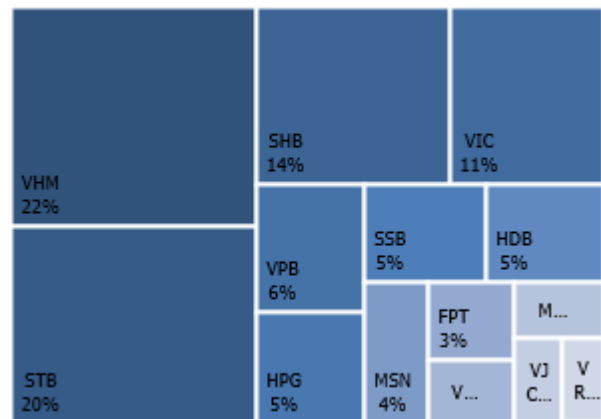
(đồng, % tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Giá trị giao dịch
CTCB2503	23/10/2025	3,300	18.3	13.6
CMWG2509	08/01/2026	1,770	12.7	12.5
CSTB2409	24/07/2025	2,370	42.8	11.7
CVIC2502	23/10/2025	8,500	(11.6)	9.7
CVHM2510	08/01/2026	4,510	(14.4)	8.0
CMBB2407	31/10/2025	1,970	7.7	8.0
CVHM2508	17/11/2025	3,110	(32.4)	7.2
CMBB2405	24/07/2025	740	12.1	6.7
CSTB2410	31/10/2025	2,770	45.0	6.6
CVHM2406	24/07/2025	5,250	(12.2)	6.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 3. Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Hoạt động giao dịch nước ngoài theo TSCS

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. Top 3 nước ngoài mua ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CVHM2508	17/11/2025	3,110	(32.4)	7.20	(0.00)	7.20
CSHB2505	19/02/2026	1,170	(25.8)	2.00	(0.37)	1.64
CVIC2504	17/07/2025	6,600	(10.8)	1.25	(0.03)	1.22

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. Top 3 nước ngoài bán ròng

(đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngày đáo hạn	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
CVRE2410	26/06/2025	680	(29.9)	0.10	(0.89)	(0.78)
CSHB2503	17/09/2025	890	31.5	0.44	(0.93)	(0.49)
CSTB2508	17/09/2025	1,640	32.3	0.58	(1.01)	(0.43)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CW và TSCS

(Tỷ đồng, % tuần, Tỷ đồng, Chứng quyền)

TSCS	Tên	Ngành	Vốn hóa	Sở hữu nước ngoài	Số chứng quyền	Vốn hóa CW	Giá trị giao dịch	Khối lượng giao dịch
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	108,126.6	29.9%	6	38,050.0	1.2	2,459,302.0
BCM	Becamex IDC	Bất động sản	61,582.5	2.0%				
BID	BIDV	Tài chính	249,609.4	17.6%				
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	36,596.5	27.2%				
CTG	VietinBank	Tài chính	214,262.7	27.0%				
FPT	FPT Corp	CNTT	170,945.5	40.6%	16	120,443.0	7.4	10,543,207.0
GAS	PV Gas	DV tiện ích	150,868.1	1.8%				
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	108,800.0	0.9%				
HDB	HDBank	Tài chính	75,493.3	16.7%	5	19,180.0	1.7	5,464,300.0
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	168,861.0	21.8%	22	266,980.0	24.7	31,745,074.0
MBB	MBBank	Tài chính	151,641.5	23.2%	13	314,106.0	22.0	18,170,201.0
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	94,068.2	24.8%	14	109,469.0	9.3	22,453,019.0
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	93,468.6	47.9%	13	462,310.0	30.9	30,320,900.0
SHB	Ngân hàng Sài Gòn	Tài chính	52,441.7	3.1%	6	35,470.0	7.3	6,888,400.0
SSB	Ngân hàng Đông Nam Á	Tài chính	51,067.8	0.1%	4	55,040.0	1.7	7,773,500.0
PLX	Petrolimex	Năng lượng	47,901.3	17.3%				
LPB	Ngân hàng Lạc Phát	Tài chính	94,398.1	0.8%				
SAB	SABECO	TD thiết yếu	62,973.8	59.0%				
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	45,648.8	34.3%				
STB	Sacombank	Tài chính	84,646.2	20.4%	17	305,624.0	33.2	18,047,900.0
TCB	Techcombank	Tài chính	220,423.4	22.5%	9	37,748.0	21.3	9,830,505.0
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	34,873.8	22.9%	4	124,970.0	1.5	2,954,800.0
VCB	Vietcombank	Tài chính	469,588.9	22.1%				
VHM	Vinhomes	Bất động sản	280,947.0	10.7%	15	213,430.0	31.0	6,584,600.0
VIB	VIBBank	Tài chính	53,326.4	5.0%	5	55,710.0	3.0	7,048,900.0
VIC	VinGroup	Bất động sản	326,923.1	7.7%	10	132,078.0	20.1	2,242,600.0
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	47,661.8	12.1%	3	33,450.0	0.6	3,450,400.0
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	115,992.5	48.4%	12	58,779.0	4.5	9,775,103.0
VPB	VPBank	Tài chính	144,000.7	24.5%	16	101,224.0	7.6	17,858,109.0
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	55,785.4	18.2%	15	92,675.0	8.6	5,461,600.0

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

Ghi chú: CW: Chứng quyền và TSCS: Tài sản cơ sở

Bảng 8. CW trên thị trường

(đồng, %)

Stt	Mã	CW			TSCS				% Premium	Số phiên còn lại	Ngày giao dịch cuối cùng
		Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Giá đóng cửa	TSCS	Giá thực hiện	Giá hòa vốn	Giá đóng cửa			
1	CHPG2501	3.0000 : 1	2,100	420	HPG	25,500	26,760	26,400	(1.4)	10	24/06/2025
2	CMSN2501	8.0000 : 1	1,800	30	MSN	72,000	72,240	65,400	(9.7)	10	24/06/2025
3	CMWG2501	5.0000 : 1	2,300	410	MWG	62,000	64,050	63,200	(2.2)	10	24/06/2025
4	CSHB2501	1.7369 : 1	1,200	2,100	SHB	9,553	13,200	12,900	(0.7)	10	24/06/2025
5	CSTB2501	3.0000 : 1	2,700	3,770	STB	33,500	44,810	44,900	(1.6)	10	24/06/2025
6	CVRE2501	3.0000 : 1	1,200	2,270	VRE	18,000	24,810	24,550	2.3	10	24/06/2025
7	CVNM2505	3.8632 : 1	1,460	40	VNM	65,482	65,637	55,500	(15.5)	14	26/06/2025
8	CACB2506	1.6712 : 1	1,060	90	ACB	22,896	23,046	21,050	(8.8)	14	26/06/2025
9	CFPT2506	7.9321 : 1	1,580	20	FPT	162,609	162,768	115,400	(28.8)	14	26/06/2025
10	CHDB2501	2.0000 : 1	1,170	110	HDB	24,800	25,020	21,600	(13.8)	14	26/06/2025
11	CHPG2507	2.0000 : 1	1,520	30	HPG	29,600	29,660	26,400	(11.1)	14	26/06/2025
12	CMBB2506	1.7377 : 1	1,010	960	MBB	23,025	24,693	24,850	(0.5)	14	26/06/2025
13	CMSN2504	4.0000 : 1	1,750	20	MSN	77,700	77,780	65,400	(16.1)	14	26/06/2025
14	CMWG2506	3.0000 : 1	1,730	140	MWG	66,900	67,320	63,200	(6.9)	14	26/06/2025
15	CSTB2506	2.0000 : 1	1,710	3,650	STB	38,100	45,400	44,900	(2.8)	14	26/06/2025
16	CTCB2505	2.0000 : 1	1,010	2,410	TCB	26,400	31,220	31,200	(1.7)	14	26/06/2025
17	CTPB2501	0.9322 : 1	1,600	20	TPB	16,500	16,519	13,200	(20.1)	14	26/06/2025
18	CVHM2504	2.0000 : 1	1,050	11,770	VHM	44,500	68,040	68,400	3.3	14	26/06/2025
19	CVIB2503	0.9619 : 1	2,030	310	VIB	20,391	20,689	17,900	(13.5)	14	26/06/2025
20	CVIC2503	3.0000 : 1	1,220	13,670	VIC	42,600	83,610	85,500	4.9	14	26/06/2025
21	CVJC2501	6.0000 : 1	1,520	20	VJC	106,100	106,220	88,000	(16.9)	14	26/06/2025
22	CVPB2505	0.9735 : 1	1,850	150	VPB	20,444	20,590	18,150	(12.1)	14	26/06/2025
23	CVRE2504	1.0000 : 1	1,530	6,460	VRE	17,900	24,360	24,550	4.2	14	26/06/2025
24	CFPT2407	24.6161 : 1	1,000	20	FPT	157,346	157,838	115,400	(26.6)	14	26/06/2025
25	CHPG2412	4.0000 : 1	1,000	20	HPG	31,333	31,413	26,400	(16.0)	14	26/06/2025
26	CMBB2409	4.3443 : 1	1,000	210	MBB	25,099	26,011	24,850	(5.5)	14	26/06/2025
27	CMSN2408	10.0000 : 1	1,000	10	MSN	85,678	85,778	65,400	(23.9)	14	26/06/2025
28	CMWG2410	10.0000 : 1	1,000	20	MWG	70,777	70,977	63,200	(11.7)	14	26/06/2025
29	CSHB2403	1.7369 : 1	1,000	1,280	SHB	10,710	12,933	12,900	1.4	14	26/06/2025
30	CSTB2413	4.0000 : 1	1,000	1,320	STB	39,679	44,959	44,900	(1.9)	14	26/06/2025
31	CTCB2406	5.0000 : 1	1,000	720	TCB	27,979	31,579	31,200	(2.8)	14	26/06/2025
32	CTPB2405	3.7288 : 1	1,000	10	TPB	17,711	17,748	13,200	(25.6)	14	26/06/2025
33	CVHM2411	5.0000 : 1	1,000	3,190	VHM	50,555	66,505	68,400	5.7	14	26/06/2025
34	CVIC2407	5.0000 : 1	1,000	6,630	VIC	48,999	82,149	85,500	6.8	14	26/06/2025
35	CVPB2412	1.9471 : 1	1,000	20	VPB	22,174	22,213	18,150	(18.6)	14	26/06/2025
36	CVRE2410	4.0000 : 1	1,000	680	VRE	21,888	24,608	24,550	3.1	14	26/06/2025
37	CHDB2502	4.0000 : 1	1,000	110	HDB	24,444	24,884	21,600	(13.3)	35	17/07/2025
38	CHPG2511	4.0000 : 1	1,000	150	HPG	28,888	29,488	26,400	(10.5)	35	17/07/2025
39	CMSN2505	10.0000 : 1	1,000	160	MSN	73,333	74,933	65,400	(12.9)	35	17/07/2025
40	CSHB2502	1.9270 : 1	1,000	940	SHB	11,946	13,757	12,900	(4.7)	35	17/07/2025
41	CSSB2501	4.0000 : 1	1,000	70	SSB	20,678	20,958	17,950	(13.9)	35	17/07/2025
42	CSTB2507	4.0000 : 1	1,000	1,400	STB	39,999	45,599	44,900	(3.3)	35	17/07/2025
43	CVHM2505	5.0000 : 1	1,000	3,480	VHM	49,999	67,399	68,400	4.3	35	17/07/2025
44	CVIC2504	5.0000 : 1	1,000	6,600	VIC	54,444	87,444	85,500	0.3	35	17/07/2025
45	CVJC2502	10.0000 : 1	1,000	140	VJC	99,999	101,399	88,000	(12.9)	35	17/07/2025

46	CVNM2506	7.7265 : 1	1,000	100	VNM	63,314	64,087	55,500	(13.4)	35	17/07/2025
47	CVPB2507	1.9471 : 1	1,000	190	VPB	20,119	20,489	18,150	(11.7)	35	17/07/2025
48	CVRE2506	4.0000 : 1	1,000	1,350	VRE	18,999	24,399	24,550	4.0	35	17/07/2025
49	CACB2501	2.5068 : 1	1,800	510	ACB	20,473	21,751	21,050	(3.4)	42	24/07/2025
50	CFPT2501	9.9152 : 1	2,500	60	FPT	158,643	159,238	115,400	(27.2)	42	24/07/2025
51	CMBB2501	2.6066 : 1	1,700	1,650	MBB	20,852	25,153	24,850	(2.3)	42	24/07/2025
52	CTCB2501	2.0000 : 1	2,500	3,650	TCB	24,000	31,300	31,200	(1.9)	42	24/07/2025
53	CACB2404	3.3425 : 1	1,300	310	ACB	20,890	21,926	21,050	(4.2)	42	24/07/2025
54	CFPT2402	3.9386 : 1	6,300	640	FPT	132,927	135,448	115,400	(14.4)	42	24/07/2025
55	CHPG2408	4.0000 : 1	1,200	280	HPG	27,000	28,120	26,400	(6.2)	42	24/07/2025
56	CMBB2405	3.4754 : 1	1,100	740	MBB	22,590	25,162	24,850	(2.4)	42	24/07/2025
57	CMSN2404	4.0000 : 1	3,800	110	MSN	79,000	79,440	65,400	(17.9)	42	24/07/2025
58	CMWG2406	4.0000 : 1	3,100	600	MWG	66,000	68,400	63,200	(8.4)	42	24/07/2025
59	CSTB2409	4.0000 : 1	1,600	2,370	STB	36,000	45,480	44,900	(3.0)	42	24/07/2025
60	CVHM2406	4.0000 : 1	2,000	5,250	VHM	50,000	71,000	68,400	(1.0)	42	24/07/2025
61	CVIB2406	3.8474 : 1	1,000	190	VIB	18,275	19,006	17,900	(5.9)	42	24/07/2025
62	CVIC2405	4.0000 : 1	2,100	10,700	VIC	43,000	85,800	85,500	2.2	42	24/07/2025
63	CVNM2406	3.8332 : 1	3,000	100	VNM	66,123	66,506	55,500	(16.6)	42	24/07/2025
64	CVPB2407	3.8942 : 1	1,000	60	VPB	20,444	20,678	18,150	(12.5)	42	24/07/2025
65	CVRE2406	4.0000 : 1	1,000	1,520	VRE	19,000	25,080	24,550	1.2	42	24/07/2025
66	CFPT2507	7.9321 : 1	3,400	260	FPT	153,685	155,747	115,400	(25.6)	50	01/08/2025
67	CHPG2509	3.0000 : 1	1,700	440	HPG	28,000	29,320	26,400	(10.0)	50	01/08/2025
68	CMBB2508	2.0000 : 1	2,200	1,300	MBB	23,000	25,600	24,850	(4.0)	50	01/08/2025
69	CFPT2405	9.8465 : 1	2,900	500	FPT	132,927	137,850	115,400	(15.9)	59	12/08/2025
70	CHPG2410	4.0000 : 1	1,300	420	HPG	28,000	29,680	26,400	(11.1)	59	12/08/2025
71	CTCB2404	5.0000 : 1	1,000	1,450	TCB	25,000	32,250	31,200	(4.8)	59	12/08/2025
72	CVHM2409	5.0000 : 1	1,500	5,170	VHM	42,000	67,850	68,400	3.6	59	12/08/2025
73	CVPB2410	2.9206 : 1	1,200	340	VPB	20,444	21,437	18,150	(15.6)	59	12/08/2025
74	CVRE2408	3.0000 : 1	1,100	1,720	VRE	20,000	25,160	24,550	0.9	59	12/08/2025
75	CHDB2503	4.0000 : 1	1,000	260	HDB	25,555	26,595	21,600	(18.9)	95	17/09/2025
76	CHPG2512	4.0000 : 1	1,000	340	HPG	29,888	31,248	26,400	(15.6)	95	17/09/2025
77	CMSN2506	10.0000 : 1	1,000	350	MSN	75,555	79,055	65,400	(17.5)	95	17/09/2025
78	CSHB2503	1.9270 : 1	1,000	890	SHB	12,332	14,047	12,900	(6.7)	95	17/09/2025
79	CSSB2502	4.0000 : 1	1,000	160	SSB	21,234	21,874	17,950	(17.5)	95	17/09/2025
80	CSTB2508	4.0000 : 1	1,000	1,640	STB	40,999	47,559	44,900	(7.3)	95	17/09/2025
81	CVHM2506	5.0000 : 1	1,000	3,490	VHM	51,111	68,561	68,400	2.5	95	17/09/2025
82	CVIC2505	5.0000 : 1	1,000	5,650	VIC	55,555	83,805	85,500	4.7	95	17/09/2025
83	CVJC2503	10.0000 : 1	1,000	250	VJC	109,999	112,499	88,000	(21.5)	95	17/09/2025
84	CVNM2507	7.7265 : 1	1,000	250	VNM	65,460	67,392	55,500	(17.7)	95	17/09/2025
85	CVPB2508	1.9471 : 1	1,000	380	VPB	21,093	21,833	18,150	(17.1)	95	17/09/2025
86	CVRE2507	4.0000 : 1	1,000	1,330	VRE	19,888	25,208	24,550	0.7	95	17/09/2025
87	CHPG2502	3.0000 : 1	2,000	570	HPG	27,500	29,210	26,400	(9.7)	102	24/09/2025
88	CSTB2502	3.0000 : 1	2,800	3,360	STB	35,500	45,580	44,900	(3.2)	102	24/09/2025
89	CVPB2506	1.9471 : 1	1,200	510	VPB	19,666	20,659	18,150	(12.4)	112	02/10/2025
90	CACB2505	2.5068 : 1	1,470	930	ACB	21,977	24,308	21,050	(13.6)	115	07/10/2025
91	CMWG2505	6.0000 : 1	1,720	1,450	MWG	61,000	69,700	63,200	(10.1)	115	07/10/2025
92	CSTB2505	3.0000 : 1	1,990	2,660	STB	40,000	47,980	44,900	(8.1)	115	07/10/2025
93	CVNM2504	5.7949 : 1	1,640	650	VNM	62,778	66,545	55,500	(16.6)	115	07/10/2025

94	CHPG2513	4.0000 : 1	1,000	360	HPG	30,888	32,328	26,400	(18.4)	126	16/10/2025
95	CMSN2507	10.0000 : 1	1,000	410	MSN	77,999	82,099	65,400	(20.5)	126	16/10/2025
96	CSTB2509	4.0000 : 1	1,000	1,620	STB	42,999	49,479	44,900	(10.9)	126	16/10/2025
97	CVHM2507	5.0000 : 1	1,000	3,530	VHM	53,333	70,983	68,400	(1.0)	126	16/10/2025
98	CVIC2506	5.0000 : 1	1,000	5,450	VIC	57,777	85,027	85,500	3.2	126	16/10/2025
99	CVRE2508	4.0000 : 1	1,000	1,220	VRE	20,888	25,768	24,550	(1.5)	126	16/10/2025
100	CHPG2508	2.0000 : 1	2,000	1,290	HPG	27,000	29,580	26,400	(10.8)	129	21/10/2025
101	CTCB2506	4.0000 : 1	1,100	2,000	TCB	25,000	33,000	31,200	(7.0)	129	21/10/2025
102	CVRE2505	2.0000 : 1	1,000	3,980	VRE	17,000	24,960	24,550	1.7	129	21/10/2025
103	CACB2503	1.6712 : 1	2,100	720	ACB	22,562	23,765	21,050	(11.6)	133	23/10/2025
104	CFPT2502	9.9152 : 1	2,400	200	FPT	168,558	170,541	115,400	(32.0)	133	23/10/2025
105	CHPG2504	2.0000 : 1	2,200	850	HPG	29,000	30,700	26,400	(14.1)	133	23/10/2025
106	CMBB2503	1.7377 : 1	1,900	2,070	MBB	22,590	26,187	24,850	(6.2)	133	23/10/2025
107	CMSN2503	5.0000 : 1	2,600	870	MSN	75,000	79,350	65,400	(17.8)	133	23/10/2025
108	CMWG2503	5.0000 : 1	2,400	1,400	MWG	63,000	70,000	63,200	(10.5)	133	23/10/2025
109	CSTB2504	2.0000 : 1	2,700	4,520	STB	38,000	47,040	44,900	(6.2)	133	23/10/2025
110	CTCB2503	2.0000 : 1	2,000	3,300	TCB	26,000	32,600	31,200	(5.8)	133	23/10/2025
111	CVHM2502	5.0000 : 1	1,300	5,000	VHM	45,000	70,000	68,400	0.4	133	23/10/2025
112	CVIB2502	1.9237 : 1	1,500	450	VIB	20,199	21,065	17,900	(15.1)	133	23/10/2025
113	CVIC2502	5.0000 : 1	1,300	8,500	VIC	45,000	87,500	85,500	0.3	133	23/10/2025
114	CVNM2502	4.7916 : 1	2,300	540	VNM	63,249	65,836	55,500	(15.7)	133	23/10/2025
115	CVPB2501	1.9471 : 1	1,600	650	VPB	19,471	20,737	18,150	(12.8)	133	23/10/2025
116	CVRE2503	2.0000 : 1	1,600	3,600	VRE	18,000	25,200	24,550	0.7	133	23/10/2025
117	CHPG2406	4.0000 : 1	1,300	530	HPG	28,000	30,120	26,400	(12.4)	134	24/10/2025
118	CFPT2404	14.7697 : 1	2,600	1,090	FPT	119,142	135,241	115,400	(14.3)	141	31/10/2025
119	CHPG2409	3.0000 : 1	2,300	1,450	HPG	25,000	29,350	26,400	(10.1)	141	31/10/2025
120	CMBB2407	1.7377 : 1	2,600	1,970	MBB	22,590	26,013	24,850	(5.5)	141	31/10/2025
121	CMSN2406	6.0000 : 1	2,700	430	MSN	79,000	81,580	65,400	(20.0)	141	31/10/2025
122	CMWG2407	6.0000 : 1	2,200	520	MWG	70,000	73,120	63,200	(14.3)	141	31/10/2025
123	CSTB2410	3.0000 : 1	2,200	2,770	STB	38,000	46,310	44,900	(4.8)	141	31/10/2025
124	CTCB2403	5.0000 : 1	1,200	1,350	TCB	26,000	32,750	31,200	(6.3)	141	31/10/2025
125	CVHM2408	4.0000 : 1	2,600	7,450	VHM	38,000	67,800	68,400	3.7	141	31/10/2025
126	CVIB2407	1.9237 : 1	2,400	1,180	VIB	17,313	19,583	17,900	(8.6)	141	31/10/2025
127	CVNM2407	5.7499 : 1	2,500	330	VNM	65,165	67,062	55,500	(17.3)	141	31/10/2025
128	CVPB2409	1.9471 : 1	1,800	490	VPB	21,418	22,372	18,150	(19.1)	141	31/10/2025
129	CVRE2407	2.0000 : 1	2,500	4,600	VRE	16,000	25,200	24,550	0.7	141	31/10/2025
130	CFPT2509	24.7880 : 1	1,000	590	FPT	138,812	153,437	115,400	(24.5)	156	17/11/2025
131	CHDB2504	4.0000 : 1	1,000	300	HDB	26,666	27,866	21,600	(22.6)	156	17/11/2025
132	CHPG2514	4.0000 : 1	1,000	450	HPG	31,666	33,466	26,400	(21.2)	156	17/11/2025
133	CMSN2508	10.0000 : 1	1,000	440	MSN	79,777	84,177	65,400	(22.5)	156	17/11/2025
134	CMWG2507	10.0000 : 1	1,000	650	MWG	66,666	73,166	63,200	(14.4)	156	17/11/2025
135	CSHB2504	1.9270 : 1	1,000	950	SHB	12,910	14,741	12,900	(11.1)	156	17/11/2025
136	CSSB2503	4.0000 : 1	1,000	220	SSB	22,345	23,225	17,950	(22.3)	156	17/11/2025
137	CSTB2510	4.0000 : 1	1,000	1,700	STB	43,999	50,799	44,900	(13.2)	156	17/11/2025
138	CVHM2508	5.0000 : 1	1,000	3,110	VHM	54,444	69,994	68,400	0.4	156	17/11/2025
139	CVIC2507	5.0000 : 1	1,000	5,840	VIC	58,888	88,088	85,500	(0.4)	156	17/11/2025
140	CVNM2508	7.7265 : 1	1,000	420	VNM	67,606	70,851	55,500	(21.7)	156	17/11/2025
141	CVPB2509	1.9471 : 1	1,100	560	VPB	22,066	23,156	18,150	(21.9)	156	17/11/2025

142	CVRE2509	4.0000 : 1	1,000	1,190	VRE	21,555	26,315	24,550	(3.6)	156	17/11/2025
143	CHPG2515	4.0000 : 1	1,000	400	HPG	32,222	33,822	26,400	(22.0)	186	17/12/2025
144	CMSN2509	10.0000 : 1	1,000	470	MSN	81,999	86,699	65,400	(24.8)	186	17/12/2025
145	CSTB2511	4.0000 : 1	1,000	1,770	STB	44,999	52,079	44,900	(15.3)	186	17/12/2025
146	CVHM2509	5.0000 : 1	1,000	3,100	VHM	56,666	72,166	68,400	(2.6)	186	17/12/2025
147	CVIC2508	5.0000 : 1	1,000	5,180	VIC	60,999	86,899	85,500	0.9	186	17/12/2025
148	CVRE2510	4.0000 : 1	1,000	1,330	VRE	22,111	27,431	24,550	(7.5)	186	17/12/2025
149	CFPT2505	9.9152 : 1	2,730	660	FPT	156,660	163,204	115,400	(29.0)	207	07/01/2026
150	CHPG2506	4.0000 : 1	1,220	890	HPG	27,800	31,360	26,400	(15.9)	207	07/01/2026
151	CTCB2504	6.0000 : 1	1,100	1,650	TCB	24,500	34,400	31,200	(10.8)	207	07/01/2026
152	CFPT2511	9.9152 : 1	2,400	1,360	FPT	122,948	136,433	115,400	(15.1)	210	08/01/2026
153	CMBB2509	2.0000 : 1	2,400	1,850	MBB	24,500	28,200	24,850	(12.9)	210	08/01/2026
154	CMSN2511	8.0000 : 1	1,700	1,610	MSN	59,000	71,880	65,400	(9.2)	210	08/01/2026
155	CMWG2509	8.0000 : 1	1,400	1,770	MWG	54,500	68,660	63,200	(8.7)	210	08/01/2026
156	CSTB2513	4.0000 : 1	2,000	2,460	STB	39,000	48,840	44,900	(9.7)	210	08/01/2026
157	CTPB2502	1.8644 : 1	1,400	1,220	TPB	13,051	15,326	13,200	(13.9)	210	08/01/2026
158	CVHM2510	4.0000 : 1	2,600	4,510	VHM	57,500	75,540	68,400	(6.9)	210	08/01/2026
159	CVIC2509	4.0000 : 1	3,000	6,150	VIC	68,000	92,600	85,500	(5.3)	210	08/01/2026
160	CVNM2510	7.7265 : 1	1,600	750	VNM	58,915	64,710	55,500	(14.3)	210	08/01/2026
161	CVPB2511	1.9471 : 1	2,000	1,430	VPB	18,011	20,795	18,150	(13.0)	210	08/01/2026
162	CFPT2508	7.9321 : 1	4,900	980	FPT	153,685	161,458	115,400	(28.2)	234	03/02/2026
163	CHPG2510	3.0000 : 1	2,400	1,030	HPG	29,000	32,090	26,400	(17.8)	234	03/02/2026
164	CMBB2507	2.0000 : 1	3,000	1,870	MBB	24,000	27,740	24,850	(11.4)	234	03/02/2026
165	CFPT2510	24.7880 : 1	1,000	660	FPT	152,693	169,053	115,400	(31.5)	252	19/02/2026
166	CHDB2505	4.0000 : 1	1,000	440	HDB	27,777	29,537	21,600	(27.0)	252	19/02/2026
167	CHPG2516	4.0000 : 1	1,000	600	HPG	33,111	35,511	26,400	(25.7)	252	19/02/2026
168	CMSN2510	10.0000 : 1	1,000	530	MSN	83,399	88,699	65,400	(26.4)	252	19/02/2026
169	CMWG2508	10.0000 : 1	1,000	730	MWG	72,999	80,299	63,200	(22.0)	252	19/02/2026
170	CSHB2505	1.9270 : 1	1,000	1,170	SHB	13,295	15,550	12,900	(15.7)	252	19/02/2026
171	CSSB2504	4.0000 : 1	1,000	320	SSB	23,123	24,403	17,950	(26.1)	252	19/02/2026
172	CSTB2512	4.0000 : 1	1,100	1,790	STB	45,999	53,159	44,900	(17.0)	252	19/02/2026
173	CVNM2509	7.7265 : 1	1,000	560	VNM	69,537	73,864	55,500	(24.9)	252	19/02/2026
174	CVPB2510	1.9471 : 1	1,100	800	VPB	23,040	24,598	18,150	(26.5)	252	19/02/2026
175	CACB2502	1.6712 : 1	2,500	1,280	ACB	23,397	25,536	21,050	(17.7)	283	24/03/2026
176	CFPT2503	9.9152 : 1	2,800	610	FPT	178,473	184,521	115,400	(37.2)	283	24/03/2026
177	CHPG2505	2.0000 : 1	2,600	1,600	HPG	30,000	33,200	26,400	(20.5)	283	24/03/2026
178	CMBB2504	1.7377 : 1	2,300	2,510	MBB	23,459	27,821	24,850	(11.7)	283	24/03/2026
179	CMWG2504	5.0000 : 1	2,900	1,950	MWG	66,000	75,750	63,200	(17.3)	283	24/03/2026
180	CVNM2503	4.7916 : 1	2,600	780	VNM	66,123	69,860	55,500	(20.6)	283	24/03/2026
181	CVPB2502	1.9471 : 1	1,900	1,080	VPB	20,444	22,547	18,150	(19.8)	283	24/03/2026
182	CMBB2505	3.0000 : 1	1,540	1,880	MBB	22,800	28,440	24,850	(13.6)	297	07/04/2026
183	CVHM2503	7.0000 : 1	1,480	4,180	VHM	42,000	71,260	68,400	(1.3)	297	07/04/2026
184	CVPB2504	2.9206 : 1	1,460	1,080	VPB	19,471	22,625	18,150	(20.0)	297	07/04/2026
185	CFPT2512	9.9152 : 1	2,800	1,750	FPT	124,931	142,283	115,400	(18.6)	301	09/04/2026
186	CHPG2517	2.0000 : 1	3,000	2,590	HPG	25,500	30,680	26,400	(14.0)	301	09/04/2026
187	CMBB2510	2.0000 : 1	2,800	2,390	MBB	24,500	29,280	24,850	(16.1)	301	09/04/2026
188	CMWG2510	8.0000 : 1	1,600	1,930	MWG	55,000	70,440	63,200	(11.0)	301	09/04/2026
189	CSTB2514	4.0000 : 1	2,200	2,850	STB	39,500	50,900	44,900	(13.3)	301	09/04/2026

190	CVHM2511	4.0000 : 1	3,000	4,960	VHM	58,000	77,840	68,400	(9.7)	301	09/04/2026
191	CVPB2512	1.9471 : 1	2,200	1,560	VPB	18,497	21,534	18,150	(16.0)	301	09/04/2026
192	CVRE2511	2.0000 : 1	2,300	3,540	VRE	21,500	28,580	24,550	(11.2)	301	09/04/2026
193	CFPT2513	12.8897 : 1	1,700	1,040	FPT	133,855	147,260	115,400	(21.3)	338	18/05/2026
194	CHPG2518	3.0000 : 1	1,700	1,210	HPG	28,000	31,630	26,400	(16.6)	338	18/05/2026
195	CMBB2511	3.0000 : 1	1,800	1,220	MBB	25,000	28,660	24,850	(14.3)	338	18/05/2026
196	CMSN2512	7.0000 : 1	2,200	1,900	MSN	60,000	73,300	65,400	(11.0)	338	18/05/2026
197	CMWG2511	6.0000 : 1	2,400	1,430	MWG	64,000	72,580	63,200	(13.7)	338	18/05/2026
198	CSTB2515	3.0000 : 1	2,400	3,200	STB	40,000	49,600	44,900	(11.1)	338	18/05/2026
199	CTCB2507	3.0000 : 1	2,800	2,260	TCB	28,500	35,280	31,200	(13.0)	338	18/05/2026
200	CTPB2503	2.0000 : 1	1,700	1,310	TPB	13,000	15,620	13,200	(15.5)	338	18/05/2026
201	CVHM2512	4.0000 : 1	2,950	4,850	VHM	58,000	77,400	68,400	(9.2)	338	18/05/2026
202	CVIB2504	2.0000 : 1	1,900	1,490	VIB	19,000	21,980	17,900	(18.6)	338	18/05/2026
203	CVNM2511	6.0000 : 1	2,200	1,540	VNM	55,000	64,240	55,500	(13.6)	338	18/05/2026
204	CVPB2513	2.0000 : 1	2,500	1,700	VPB	18,000	21,400	18,150	(15.5)	338	18/05/2026
205	CVRE2512	2.0000 : 1	2,900	2,070	VRE	23,500	27,640	24,550	(8.2)	338	18/05/2026

Nguồn: Bloomberg, FiinproX, KIS Research

CW: Chứng quyền, Sắp xếp theo Ngày giao dịch cuối cùng

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2025 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..